

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**  
**KHOA LUẬT**



**LÊ TUẤN HÙNG**

*Lớp : LKT 13 – 01 khóa:13*

**THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**  
**THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: Lê Thị Diệp**

**HÀ NỘI 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**  
**KHOA LUẬT**



**LÊ TUẤN HÙNG**

*Lớp : LKT 13-01 khóa: 13*

**THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**  
**THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**  
**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: Lê Thị Diệp**

Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội

Thời gian thực hiện: từ .... đến ...

**HÀ NỘI 2023**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đề tài “ thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam” trong khóa luận tốt nghiệp của tôi được tiến hành một cách công khai và minh bạch, dựa trên sự cố gắng và nỗ lực của bản thân cũng như sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn ThS. Lê Thị Diệp.

Các số liệu nghiên cứu nêu trong khóa luận đảm bảo tính trung thực và chính xác. Ngoài ra, trong báo cáo có sử dụng một số nguồn tài liệu tham khảo và các công trình nghiên cứu đã được công bố. Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước khoa và nhà trường về sự cam đoan này.

Người cam đoan

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt 4 năm học tập tại trường Đại học Đại Nam, em đã học hỏi và tiếp thu thêm nhiều kiến thức bổ ích giúp em trang bị được hành trang khi ra trường.

Để hoàn thành nghiên cứu của mình, em đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ, dìu dắt em từ phía thầy cô, bạn bè. Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến ThS. Lê Thị Diệp người trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình làm khóa luận và hỗ trợ em để hoàn thành được khóa luận.

Và em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc nhất tới các thầy cô Khoa Luật trường đại học Đại Nam, những người đã đem lại cho em nhiều kiến thức có ích và hỗ trợ trong những năm em học tập tại trường. Cũng xin gửi lời cảm ơn tới Ban giám hiệu, Phòng đào tạo của trường Đại học Đại Nam đã tạo điều kiện giúp em trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Do điều kiện thời gian cũng như kiến thức còn nhiều hạn chế của bản thân em nên khóa luận khó tránh khỏi những sai sót và thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giảng viên trong khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

## DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự
NQ	Nghị quyết
TANDTC	Tòa án nhân dân Tối cao
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
VA	Vụ án
TA	Tòa án

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1	So sánh thời hạn và thời hiệu
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ quy trình xét xử sơ thẩm
Bảng 2.1	Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao trong 3 năm (2020-2021-2022)

## Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU .....	6
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ .....	9
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự.....	9
1.1.1. Khái niệm thời hạn giải quyết vụ án dân sự .....	9
1.1.2. Đặc điểm về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.....	12
1.1.3. Ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự.....	15
1.2. Thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.....	19
*Theo thủ tục sơ thẩm .....	19
1.2.1. Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện .....	19
1.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa và xét xử sơ thẩm vụ án .....	20
1.2.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng .....	23
1.2.4. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định.....	26
1.2.5. Chuẩn bị xét phúc thẩm.....	27
1.2.6. Thời hạn tổng đạt, thông báo cáo các văn bản tố tụng .....	28
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 .....	30
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ DÂN SỰ .....	31
2.1. Đánh giá chung về thực trạng thực hiện thời hạn giải quyết vụ án dân sự....	31
2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.....	31
2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ việc dân sự.....	32
2.2.2. Những lí do đạt được những kết quả nêu trên .....	33
2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.....	33

2.3.1. Những hạn chế, bất cập.....	33
2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự .....	41
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	44
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ .....	45
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự .....	45
3.2. Giải pháp bảo đảm việc thực hiện thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam .....	52
KẾT LUẬN .....	56
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	58

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do lựa chọn đề tài**

Trong cuộc sống, việc phát sinh tranh chấp là điều không thể tránh khỏi. Việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án ngày càng nhiều hơn và trong những năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng ngành Tòa án vẫn hoàn thành tốt các chỉ tiêu công tác đề ra, đồng thời tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp như nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, tình hình an ninh chính trị, kinh tế, xã hội thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, cùng với đó là tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát dẫn đến việc giải quyết vụ án dân sự còn chậm trễ cùng với đó là tính chất của các vụ việc ngày càng đa dạng và phức tạp, trong khi đó, vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc xây dựng, củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu xét xử trong tình hình mới. Mặt khác, nhiều quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn mang tính chung chung, thậm chí xa rời với đời sống thực tiễn... chính điều đó đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử vụ án, gây ra tính trạng các bản án, quyết định của Tòa án không khách quan, án tồn đọng còn nhiều, ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của các chủ thể, gây mất lòng tin của nhân dân.

Việc xác định thời hạn giải quyết vụ án dân sự có ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ trong bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên, là căn cứ để Tòa án giải quyết vụ việc được nhanh chóng, kịp thời, chính xác mà còn có ý nghĩa trong việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên, một số quy định về thời hạn tố tụng trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu, xem xét sửa đổi một cách tổng thể cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Chính vì những lý do nêu trên em xin được lựa chọn đề tài “ Thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận.



## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Từ trước đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về tố tụng dân sự ít nhiều đề cập đến thời hạn tố tụng dân sự ở các mức độ khác nhau. Về đề tài nghiên cứu khoa học có công trình nghiên cứu cấp Bộ “ Một số vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Bộ luật Tố tụng dân sự” do Tòa án nhân dân Tối cao thực hiện năm 1996; công trình nghiên cứu cấp Bộ “ Những quan điểm cơ bản về Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam” do Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia thực hiện năm 2001. Về giáo trình, giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2019 . Về luận văn cao học có Hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ khóa học, Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội của Nguyễn Thu Hiền, 2012.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu đề tài là về thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu đề tài khái quát chung về thời hạn giải quyết vụ án dân sự như khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự, các quy định của BLTTDS, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm và thực tiễn áp dụng các quy định này trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại các Tòa án trong những năm gần đây.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Khóa luận tốt nghiệp được hoàn thành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp là đi từ lý luận đến thực tiễn, dùng thực tiễn để kiểm chứng lý luận. Quá trình nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp, em cũng đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý truyền thống như thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh... để thực hiện đề tài. Để chứng minh cho các luận điểm của mình, em cũng đã tham khảo các số liệu thống kê của ngành TAND và lựa chọn một số vụ án làm ví dụ minh họa.

## **5. Đóng góp của đề tài**

Việc nghiên cứu đề tài là làm rõ một số vấn đề lý luận về thời hạn giải quyết vụ án dân sự; nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện các quy định này tại Tòa án. Việc xác định đúng thời hạn giải quyết vụ án dân sự sẽ giúp các đương sự bảo vệ được các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình. Thông qua việc nghiên cứu sẽ phát hiện những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục để góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết vụ án, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể khi bị xâm phạm. Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.

## **6. Bố cục của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát chung và quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự

Chương 2: Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự

Chương 3: Những kiến nghị giải quyết những bất cập khi thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.

## **CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

### **1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự**

#### *1.1.1. Khái niệm thời hạn giải quyết vụ án dân sự*

Xã hội là hệ thống các quan hệ đa dạng và phức tạp. Khi tham gia vào các quan hệ xã hội các chủ thể phải thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc một chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình mà luật đã định có thể sẽ xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác và điều này sẽ dẫn đến tranh chấp quyền và lợi ích giữa các chủ thể trong một hoặc nhiều quan hệ pháp luật dân sự. Để duy trì trật tự xã hội, Nhà nước thiết lập cơ chế pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Theo đó, cá nhân, cơ quan, tổ chức hay chủ thể khác có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm có quyền sử dụng các biện pháp do pháp luật quy định để bảo vệ quyền, lợi ích đó như yêu cầu người có hành vi trái pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật, yêu cầu tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Trước đây, khi BLTTDS chưa được ban hành, trong tất cả văn bản pháp luật về tổ tụng dân sự hầu như chưa có khái niệm về vụ việc dân sự mà chỉ có khái niệm về vụ án dân sự. Ngay pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 cũng đều xác định gọi tên chung của những loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là các vụ án, không có sự phân biệt vụ việc có tranh chấp hay không có tranh chấp. Khi BLTTDS được ban hành, tại Điều 1 Bộ luật này đã có phân biệt giữa các vụ việc có tranh chấp và vụ việc không có tranh. Theo đó, vụ việc dân sự bao gồm vụ án dân sự và việc dân sự. Mặc dù cả việc dân sự và vụ án dân sự đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, việc dân sự và vụ án dân sự lại được tiến hành giải quyết theo những trình tự, thủ tục khác nhau và có thời hạn giải quyết khác nhau.

Việc dân sự là việc cá nhân, cơ quan tổ chức không tranh chấp nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý nào đó.

Vụ án dân sự là các tranh chấp dân sự xảy ra giữa các đương sự mà theo quy định thì cá nhân, cơ quan, tổ chức tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hiện nay, pháp luật chưa có một khái niệm rõ ràng về tranh chấp dân sự. Tranh chấp dân sự được hiểu là những tranh chấp dân sự được hiểu là những tranh chấp xảy ra giữa các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự về các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản được pháp luật bảo vệ. Các loại tranh chấp dân sự phổ biến hiện nay là: Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, tranh chấp về hợp đồng dân sự, tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Khi phát sinh vấn đề cần giải quyết tranh chấp dân sự, các bên đều mong muốn tìm được biện pháp giải quyết tranh chấp, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của mình. Hiện nay, có các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự như thương lượng, hòa giải, và khởi kiện lên Tòa án để giải quyết. Giải quyết vụ án dân sự là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và đưa ra quyết định xử lý về vụ án.

Việc giải quyết các vụ án dân sự này phải tuân theo trình tự, thủ tục luật định đó là thủ tục tố tụng dân sự và những hoạt động của các chủ thể trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật được gọi là hoạt động tố tụng dân sự.

Trình tự giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự sẽ diễn ra theo trình tự sau thứ nhất là nộp đơn khởi kiện, thứ hai phân công thẩm phán xem xét đơn, thứ ba thụ lý vụ án, thứ tư tiến hành hòa giải, thứ năm chuẩn bị xét xử, thứ sáu đưa vụ án ra xét xử ở phiên tòa sơ thẩm.

Việc giải quyết các vụ án dân sự tiến hành nhanh chóng sẽ giải quyết được tranh chấp, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Để thực hiện được điều này thì mỗi hành vi của người tiến hành tố tụng, người tham gia

tổ tụng hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đều phải tiến hành trong một khoảng thời gian nhất định và nó được gọi là thời hạn

Theo Đại từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý thì: “ Thời hạn là khoảng thời gian quy định để làm xong hoặc chấm dứt một việc nào đó”; theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ, Viện Khoa học – Xã hội – Nhân văn thì: “ Thời hạn là khoảng ngày giờ có giới hạn, có định trước, không được quá”; trong khi đó cuốn Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của GS. Nguyễn Lâm lại giải thích thời hạn là “khoảng thời gian có giới hạn nhất định để làm việc gì”. Như vậy có thể thấy thì các từ điển đều giải thích thời hạn là một khoảng thời gian để làm hoặc chấm dứt một công việc nhất định.

Dưới góc độ pháp lý, Điều 144 Bộ luật dân sự ( BLDS) năm 2015 quy định thời hạn là một khoảng thời gian xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác. Thời hạn có thể xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể xảy ra.

Thời hạn tố tụng là một loại thời hạn cũng có những nội dung của thời hạn nói chung. Theo Khoản 1 điều 182 Bộ luật tố tụng dân sự ( BLTTDS) năm 2015 quy định thời hạn tố tụng là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này tới thời điểm khác để người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hành vi tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Trong tố tụng dân sự thời hạn giải quyết vụ án dân sự là khoảng thời gian được xác định gắn liền với toàn bộ trình tự, thủ tục đã nêu trên từ khi Tòa án nhận đơn khởi kiện và kết thúc khi vụ án được giải quyết xong. Toàn bộ trình tự giải quyết vụ việc dân sự bao gồm nhiều thủ tục, nhiều giai đoạn khác nhau. Mỗi giai đoạn sẽ có quy định riêng về thời hạn thực hiện.

Ví dụ: Trong giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án quy định thời hạn để thực hiện từng thủ tục, như từ lúc nhận đơn đến khi thông báo cho đương sự bổ sung các chứng từ, tài liệu theo quy định của pháp luật tố tụng phải thực hiện

trong bao lâu. Hoặc trong thời gian bao lâu thì Tòa án thụ lý vụ án kể từ ngày đương sự hoàn tất thủ tục khởi kiện.

### 1.1.2. Đặc điểm về thời hạn giải quyết vụ án dân sự

Khi nhắc tới thời hạn nói chung thì không ít người còn nhầm lẫn đối với thời hiệu. Tuy nhiên, thì đây là hai khái niệm có những đặc điểm hoàn toàn khác biệt nhưng cũng dễ gây hiểu nhầm đối với những người chưa tìm hiểu. Chính vì vậy trước khi nói tới đặc điểm về thời giải quyết vụ án dân sự ta hãy đi tìm hiểu về đặc điểm của thời hạn nói chung thông qua việc so sánh điểm khác biệt giữa thời hạn và thời hiệu.

Tiêu chí	Thời hạn	Thời hiệu
Khái niệm	Thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác.	Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định.
Đơn vị tính	Có thể được xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể sẽ xảy ra.	Năm
Phân loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn do luật định</li> <li>+ Thời hạn thỏa thuận theo ý chí của các bên</li> <li>+ Thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định khi xem xét, giải quyết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hiệu hưởng quyền dân sự</li> <li>+ Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự</li> <li>+ Thời hiệu khởi kiện</li> <li>+ Thời hiệu yêu cầu giải</li> </ul>

	các vụ việc cụ thể.	quyết vụ việc dân sự.
Thời điểm bắt đầu	<p>Ngày bắt đầu của thời hạn không tính vào thời hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi thời hạn được tính bằng giờ thì thời hạn được bắt đầu kể từ thời điểm đã xác định;</li> <li>+ Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì thời điểm bắt đầu thời hạn được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày được xác định;</li> <li>+ Khi thời hạn được tính bằng sự kiện thì thời hạn tính từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện.</li> </ul>	Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu
Thời điểm kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi thời hạn được tính bằng ngày thì thời điểm kết thúc thời hạn là ngày cuối cùng của thời hạn;</li> <li>+ Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì thời điểm kết thúc thời hạn là thời điểm kết thúc tuần, tháng, năm cuối</li> </ul>	Thời hiệu chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu

	<p>cùng của thời hạn;</p> <p>+ Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.</p> <p>+ Thời điểm kết thúc ngày của thời hạn là 24 giờ của ngày đó.</p>	
Gia hạn	Thời hạn đã hết có thể gia hạn, kéo dài thời hạn.	Không gia hạn
Chủ thể áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan nhà nước</li> <li>- Cá nhân, tổ chức</li> </ul>	Các cơ quan nhà nước, chủ yếu là Tòa án, Cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát
Trường hợp áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giao dịch dân sự giữa cá nhân, tổ chức với nhau</li> <li>- Cơ quan nhà nước áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể (Ví dụ: Thời hạn tạm giam)</li> </ul>	- Cơ quan nhà nước áp dụng để giải quyết các yêu cầu, tranh chấp theo luật định.
Phân loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa vào chủ thể quy định có 3 loại:</li> <li>+ Thời hạn do luật định</li> <li>+ Thời hạn thỏa thuận theo ý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm 4 loại:</li> <li>+ Thời hiệu hưởng quyền dân sự</li> <li>+ Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ</li> </ul>



	chí của các bên  + Thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định khi xem xét, giải quyết các vụ việc cụ thể.	dân sự  + Thời hiệu khởi kiện + Thời hiệu yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự
Hậu quả pháp lý	Chủ thể tham gia giao dịch dân sự đó phải gánh chịu hậu quả bất lợi nào đó	Không phải gánh chịu hậu quả pháp

Bảng 1.1. So sánh thời hạn và thời hiệu

Tuy nhiên, thời hạn trong tố tụng dân sự có điểm khác biệt với thời hạn trong luật dân sự. Thời hạn dân sự có thể do pháp luật quy định hoặc được xác lập trên cơ sở sự thỏa thuận của các đương sự trong khi đó thời hạn trong tố tụng dân sự chỉ do pháp luật quy định hoặc do người có thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng ấn định theo quy định của pháp luật, các đương sự và những người khác nói chung không có quyền thỏa thuận xác lập thời hạn tố tụng. Điểm khác biệt nữa là nếu thời hạn dân sự theo thời gian liên tục thì thời hạn trong tố tụng dân sự có thể bị gián đoạn bởi các ngày nghỉ của các cán bộ, công chức viên chức như ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc các ngày lễ, tết. Lý do là bởi các hoạt động tố tụng được thực hiện phải thông qua các cơ quan tiến hành tố tụng. Hơn nữa các hoạt động tố tụng phần lớn được diễn ra vào khung giờ hành chính vậy nên thời hạn thường được tính bằng ngày, tháng, năm là chủ yếu, ít khi thời hạn tố tụng được tính bằng giờ như thời hạn dân sự.

### *1.1.3. Ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự*

Pháp luật quy định thời hạn tố tụng dân sự không chỉ xác định thời gian giải quyết xong một vụ việc dân sự mà còn xác định từng công việc phải làm trong từng khoảng thời gian nhất định. Bởi thế thời hạn tố tụng dân sự không chỉ có ý nghĩa đơn thuần về mặt thời gian mà còn là những mốc để người tiến hành

tổ tụng, người tham gia tố tụng hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến quá trình tố tụng xác định những công việc mà chủ thể này phải làm đã được thực hiện và thực hiện xong chưa. Thời hạn được xác định bằng giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể xảy ra.

VD: Khoản 2 Điều 191 BLTTDS năm 2015 quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện.

Từ đó cho thấy thời hạn giải quyết vụ án dân sự có những ý nghĩa cơ bản sau:

- Xác định từng công việc phải làm trong từng giai đoạn nhất định. Việc giải quyết các vụ việc dân sự tiến hành nhanh chóng sẽ sớm giải quyết được tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Để thực hiện được điều đó thì mỗi hành vi của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức liên quan đều phải tiến hành trong một khoảng thời gian nhất định. Mặt khác, Việc này còn giúp cho các bên có thể tập trung vào từng giai đoạn để quá trình giải quyết tranh chấp có thể diễn ra một cách trơn tru và liền mạch tránh tình trạng án kéo dài.

VD: Trong giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án theo khoản 3 Điều 191 BLTTDS thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định như yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 317 của Bộ luật này; chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác; trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hay là trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều

207 của Bộ luật này hoặc vụ án được tiến hành theo thủ tục rút gọn (Khoản 1 Điều 205 BLTTDS).

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đương sự và những người liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ làm cho việc giải quyết vụ án dân sự được nhanh chóng, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người có quyền và nghĩa vụ khác khi tiến hành hoặc tham gia tố tụng đều phải xác định rõ trách nhiệm của mình. Trách nhiệm ở đây sẽ tương ứng với mỗi chủ thể. Mỗi chủ thể đều phải hiểu rằng mình phải có trách nhiệm trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự. Nếu chỉ một hoặc một số chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc của chủ thể khác trong quan hệ tố tụng dân sự (Ví dụ: việc đương sự chậm giao nộp chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án... sẽ ảnh hưởng tới thời gian và kết quả của việc giải quyết vụ việc dân sự).

Bộ luật tố tụng dân sự đã có những quy định cụ thể về thời hạn để Tòa án, Thẩm phán tiến hành các hoạt động liên quan tới giải quyết vụ án dân sự tại các giai đoạn tố tụng khác nhau. Việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, chính xác không chỉ có ý nghĩa đối với riêng đương sự (tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc, bảo vệ được quyền lợi chính đáng), mà còn rất có ý nghĩa với chính Tòa án, đặc biệt niềm tin của người dân đối với ngành Tòa án được củng cố. Trong những năm gần đây, tình trạng án bị hủy, bị sửa có xu hướng giảm hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu Nghị quyết Quốc hội và Tòa án đề ra thể hiện sự nỗ lực rất lớn của ngành Tòa án. Để duy trì được tỷ lệ này và xa hơn nữa là giảm tỷ lệ án bị hủy, sửa, quá hạn thì nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là một trong những yếu tố then chốt.

VD: Điều 216 BLTTDS về việc tiếp tục giải quyết vụ án dân sự quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 214 của Bộ luật này không còn thì Tòa án phải ra quyết định

tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và gửi quyết định đó cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, Viện kiểm sát cùng cấp. BLTTDS quy định là trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn có nghĩa là Tòa án có thể ra quyết định và gửi ngay khi lý do tạm đình chỉ vụ án không còn hoặc có thể ra quyết định và gửi vào hôm sau hoặc ngày cuối cùng của thời hạn 03 ngày làm việc đều không sai luật. Tuy nhiên, khi đã nhận thức được trách nhiệm của mình, nhận thức được ý nghĩa của việc giải quyết vụ án nhanh chóng... như đã nêu trên thì Tòa án sẽ phải ra quyết định và gửi quyết định đó trong khoảng thời gian ngắn nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc đó.

- Xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong trường hợp họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và quyền hạn của họ trong thời hạn tố tụng cụ thể. Pháp luật tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, tương ứng với mỗi khoảng thời gian nhất định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan đều phải thực hiện những hành vi tố tụng nhất định. Đây chính là cơ sở để xác định trách nhiệm của mỗi chủ thể tố tụng. Chủ thể nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và quyền hạn của họ trong thời hạn tố tụng cụ thể sẽ phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng đó.

VD: Quay lại giai đoạn nhận và xử lý đơn khởi kiện về nguyên tắc, người kiện gửi đơn khởi kiện thì Tòa án phải có trách nhiệm nhận đơn. Còn việc đơn có hợp pháp hay không, có đủ tài liệu chứng cứ kèm theo hay không thì luật đã quy định về thời hạn để xem xét vấn đề này tối đa là 08 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn khởi kiện. Mặt khác, chỉ khi nhận đơn mới phát sinh trách nhiệm xem xét tính hợp pháp của đơn của người khởi kiện. Vì vậy, cán bộ Tòa án có nhiệm vụ nhận đơn không thể từ chối nhận đơn của người khởi kiện khi chưa nhận và vào sổ nhận đơn.

Còn đối với người khởi kiện có quyền khởi kiện cũng có trách nhiệm là phải đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc khởi kiện của mình là hợp pháp. Khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

## **1.2. Thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam**

### **\*Theo thủ tục sơ thẩm**

#### *1.2.1. Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện*

Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện là những khoảng thời gian đầu tiên của toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Đây chính là khoảng thời gian quan trọng nhất bởi nếu không có việc thụ lý đơn khởi kiện thì sẽ không làm phát sinh các giai đoạn kế tiếp.

Đơn khởi kiện là văn bản của người khởi kiện chủ động đưa tranh chấp ra Tòa án giải quyết. Tòa án có trách nhiệm nhận đơn khởi kiện của các đương sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và xem xét giải quyết chúng.

Theo Điều 191 thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau đây:

- + Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện
- + Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thụ lý theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn
- + Chuyển đơn khởi kiện do Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác

+ Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Như vậy, trong thời hạn tối đa là 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và ra quyết định thụ lý vụ án, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện hoặc trả lại đơn cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền của mình. Tuy nhiên điều này không đồng nghĩa với việc Tòa án đã thụ lý vụ án, đây mới chỉ là tiến hành thủ tục thụ lý mà thôi Tòa án chỉ thực sự thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Trong trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Tòa án phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Sau khi đã thụ lý vụ án trong thời hạn 03 ngày thì Chánh án phải phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Như vậy, ta có thể thấy thời hạn phân công Thẩm phán cũng phụ thuộc vào thời hạn thụ lý vụ án vậy nên mặc dù thời hạn phân công Thẩm phán có sự độc lập với thời hạn thông báo thụ lý vụ án nhưng trên thực tế nếu như chưa phân công Thẩm phán xong thì việc thụ lý vụ án vẫn chưa được coi là hoàn thành.

### *1.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa và xét xử sơ thẩm vụ án*

#### *1.2.2.1. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa*

Thời hạn chuẩn bị phiên tòa hay nói cách khác chính là thời hạn chuẩn bị xét xử theo điều 203 BLTTDS:

- Đối với vụ án về tranh chấp dân sự và hôn nhân gia đình: Trong 4 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc quyết định khác: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự hoặc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa

án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 02 tháng.

- Đối với vụ án kinh doanh thương mại, lao động: Trong 2 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc quyết định khác. Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 01 tháng.

- Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đưa vụ án ra xét xử

Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.

Thời hạn chuẩn bị xét xử có vai trò quan trọng trong thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, thể hiện ở dưới các khía cạnh sau đây:

+ Đối với người tiến hành tố tụng, khoảng thời gian giúp Tòa án thu thập, xác minh chứng cứ cần thiết để làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án từ đó có phán quyết chính xác, đúng pháp luật để giải quyết vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp, bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội.

+ Đối với các đương sự, khoảng thời gian này tạo điều kiện cho các bên đương sự cung cấp chứng cứ cần thiết để chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc phản bác yêu cầu của phía bên kia. Khoảng thời gian này còn tạo điều kiện cho các bên đương sự tiến hành hòa giải với nhau để chấm dứt tranh chấp bằng

con đường hòa bình, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình đồng thời duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các bên.

Như vậy, thời hạn chuẩn bị xét xử là khoảng thời gian tối đa mà pháp luật quy định để Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng cần thiết nhằm giải quyết tranh chấp chính xác, đúng pháp luật, phù hợp với sự thật khách quan. Đối với những vụ đơn giản; các tình tiết, sự kiện có liên quan đã được làm rõ; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình thì thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thể sớm ra quyết định tương ứng để rút ngắn quá trình giải quyết vụ án. Đối với những vụ án có tính chất phức tạp hoặc trở ngại khách quan thì mới phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử.

#### *1.2.2.2. Thời hạn xét xử vụ án sơ thẩm*

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được gửi cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Quá trình xét xử diễn ra theo trình tự, thủ tục Luật định. Tuy nhiên quá trình này có thể kéo dài do Hội đồng xét xử có thể hoãn phiên tòa hoặc tạm dừng phiên tòa bởi các lý do khác nhau:

- Thời gian hoãn phiên tòa: Thời hạn hoãn phiên tòa là không quá 01 tháng, đối với phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn là không quá 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.

- Thời gian tạm ngừng phiên tòa: Thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn này, nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa; nếu lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.



### *1.2.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng*

Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng khi giải quyết vụ án dân sự được bắt đầu khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện hoặc sau khi nhận được đơn khởi kiện. Theo điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

+ Trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho người khởi kiện để họ sửa đổi, bổ sung trong thời hạn do Thẩm phán ấn định nhưng không quá 01 tháng; trường hợp đặc biệt, Thẩm phán có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiếp tục việc thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ san thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Trong trường hợp hết thời hạn quy định mà người khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trừ trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc có trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng.

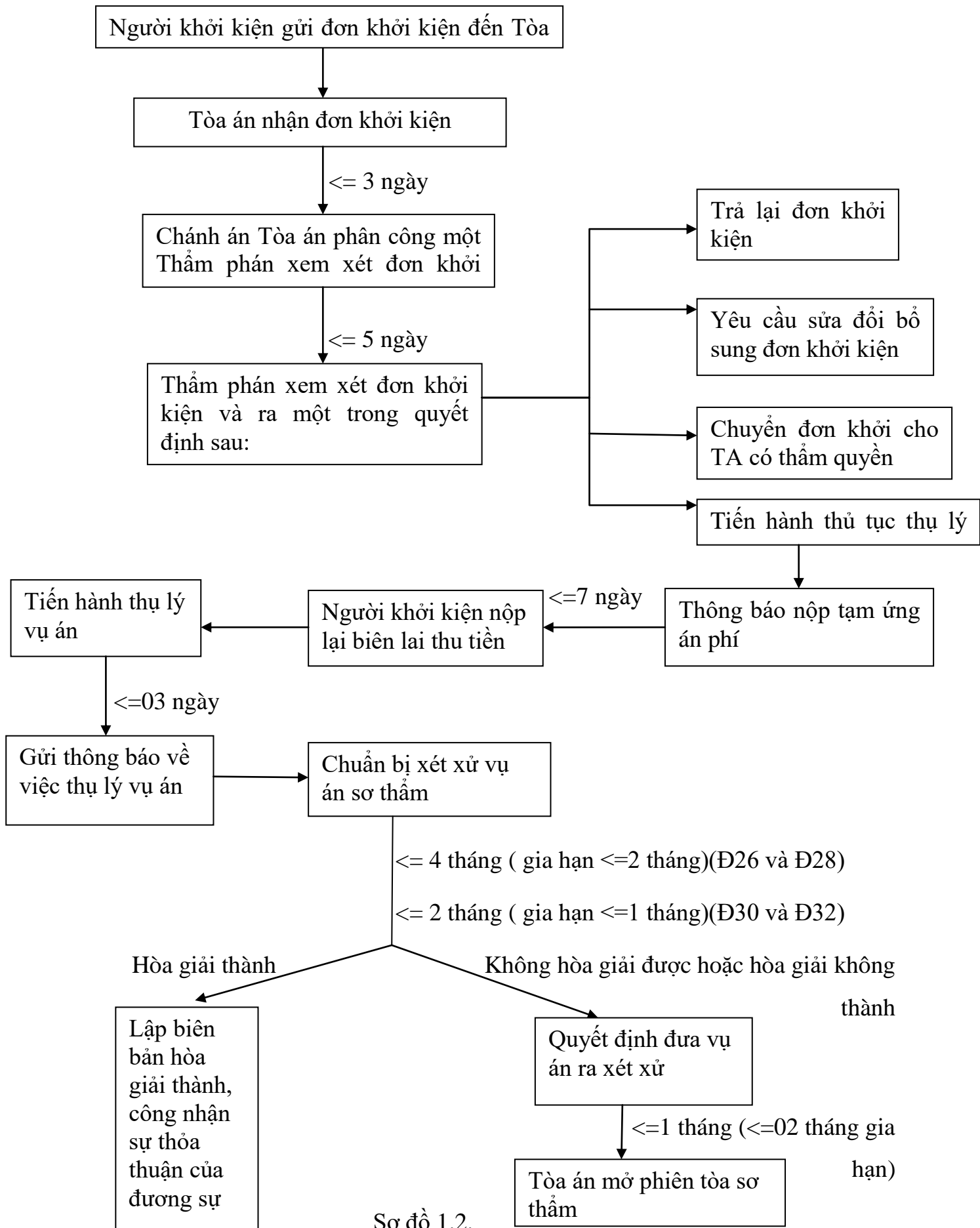
- Giao, gửi bản án:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên tòa, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện được Tòa án cấp trích lục bản án.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.

Sau khi thụ lý vụ án, trong thời hạn 03 ngày làm việc Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.

Tổng hợp từ những mục trên ta có thể rút ra được sơ đồ giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm như sau:



### **\* Theo thủ tục phúc thẩm**

#### *1.2.4. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định*

##### *1.2.4.1. Thời hạn kháng cáo bản án, quyết định*

Thời hạn kháng cáo: Theo khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định thời hạn kháng cáo như sau: "Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết."

Còn đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, kể từ ngày đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của BLTTDS.

Thủ tục tố tụng tiếp theo sau khi Tòa án thụ lý vụ án là thủ tục hòa giải. Điều 208 BLTTDS quy định thông báo về phiên hòa giải như sau: "Trước khi tiến hành phiên họp, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp" và theo Điều 205 BLTTDS quy định về thời hạn tiến hành hòa giải như sau: "Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn". Ta có thể thấy điều luật không quy định cụ thể về thời hạn thông báo hòa giải nhưng căn cứ vào ý nghĩa của công tác hòa giải thì Tòa án sẽ thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự về phiên hòa giải trong thời gian sớm nhất.

Khi các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề hải giải quyết trong vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải.

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

#### *1.2.4.2. Thời hạn kháng nghị bản án, quyết định*

Thời hạn kháng nghị: Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định thời hạn kháng nghị như sau: "Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án."

Đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa cấp sơ thẩm thì thời hạn kháng nghị của Viện kiểm soát cùng cấp là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

#### *1.2.5. Chuẩn bị xét phúc thẩm*

##### *1.2.5.1. Thụ lý vụ án để xét xử phúc*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Điều 286 BLTTDS năm 2015 quy định: Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây: Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

#### *1.2.5.2. Thời hạn chuẩn bị xét xử và xét xử phúc thẩm vụ án*

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;
- b) Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;
- c) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng.

+ Thời hạn mở phiên xét xử vụ án phúc thẩm: Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ xét xử vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

#### *1.2.6. Thời hạn tổng đạt, thống báo cáo các văn bản tố tụng*

- Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm:

+ Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nếu họ không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận

được thông báo của Tòa án về việc nộp án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

+ Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Nếu hết thời hạn này mà người kháng cáo không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm không có lý do chính đáng, thì được coi là họ từ bỏ việc kháng cáo.

- Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị hợp lệ thì Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị và gửi hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định của Điều 277, 281 và Điều 283 của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo việc kháng cáo cho viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có liên quan đến kháng cáo ngay khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ .

+ Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị cho đương sự có liên quan đến kháng nghị.

+ Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị hoặc kháng cáo, người kháng cáo đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1**

Việc xác định thời hạn giải quyết vụ án dân sự có ý nghĩa hết sức quan trọng không những trong việc bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của các chủ thể, là căn cứ để Tòa án giải quyết vụ việc được chính xác, nhanh chóng, đảm bảo đúng pháp luật để hạn chế tình trạng án tồn. Ngoài ra, nó còn giúp nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố, các đương sự và người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Để làm rõ và vận dụng các quy định về thời hạn tố tụng thì trước hết phải khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về thời hạn giải quyết vụ án dân sự như: khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của thời hạn giải quyết vụ án dân sự. Cùng với trong chương 1 này đã có nhắc tới thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam hiện tại qua đó ta có thể thấy pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn giải quyết vụ án dân sự đã có những quy định khá đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên, vẫn có một số quy định còn chưa rõ ràng, có thể hiểu hoặc áp dụng theo các cách khác nhau; có trường hợp luật chưa quy định hoặc quy định về thời hạn chưa hợp lý... Điều này dẫn đến hệ quả là quá trình giải quyết vụ án dân sự trong nhiều trường hợp sẽ bị ảnh hưởng, làm giảm chất lượng và hiệu quả trong công tác xét xử của ngành Tòa án. Việc làm rõ được những vấn đề lý luận và tìm hiểu, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam về hạn giải quyết vụ án dân sự sẽ là tiền đề để có thể chỉ ra những tồn tại, bất cập của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.



## **CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ DÂN SỰ**

### **2.1. Đánh giá chung về thực trạng thực hiện thời hạn giải quyết vụ án dân sự**

Trong những năm qua, các hoạt động giải quyết vụ việc dân sự của ngành Tòa án đã đạt được rất nhiều kết quả quan trọng, mặc dù các vụ việc ngày càng gia tăng về số lượng và phức tạp về nội dung. Một trong những lý do đem lại thành công của ngành Tòa án là các Tòa án đã làm đúng theo thời hạn giải quyết vụ án dân sự mà bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định. Trong nhiệm kỳ 2016-2020, các Tòa án đã 1.894.472 vụ việc; đã giải quyết, xét xử được 1.842.684 vụ việc, đạt tỷ lệ 97,3%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết của Quốc hội đề ra (trong đó so với nhiệm kỳ trước thụ lý tăng 523.966 vụ việc và giải quyết tăng 496.752 vụ việc). Có thể thấy, mặc dù các vụ việc mà Tòa án phải thụ lý và giải quyết là rất lớn, số lượng tăng lên theo hàng năm, trong đó có nhiều tranh chấp phức tạp nhưng các Tòa án vẫn cố gắng khắc phục khó khăn, áp dụng đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm tốt việc hướng dẫn, giải thích pháp luật cho các bên đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ, tích cực xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp có yêu cầu và tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan, nên số lượng lớn các vụ việc dân sự đã được giải quyết theo thời hạn quy định của pháp luật từng bước khắc phục việc giải quyết các vụ án tồn đọng. Tỷ lệ các bản án các quyết định bị hủy, sửa cũng giảm dần qua các năm.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay nhiều Tòa án nhân dân địa phương vẫn còn lúng túng trong việc thụ lý và giải quyết các vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự, có nhiều vụ án dân sự thì thời hạn xét xử Tòa án giải quyết án kéo dài nhiều năm, phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án, tạm ngưng phiên tòa... nhiều lần, nhưng cũng có những vụ án thì Tòa án vừa ban hành Thông báo thụ lý vụ án thì đã tiến hành hòa giải, thời gian giải quyết vụ án quá ngắn.

### **2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự**

*2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ việc dân sự*

Theo Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao trong những năm gần đây, trong công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự, việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự đã đạt được những kết quả tích cực, hầu hết các vụ án được giải quyết trong thời hạn luật định.

Tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Số vụ thụ lý	471.581 vụ việc	411.299 vụ việc	444.402 vụ việc
Số vụ đã giải quyết xét xử	419.793 vụ việc đạt tỷ lệ 89,02%	324.813 vụ việc đạt tỷ lệ 79%	386.944 vụ việc đạt tỷ lệ 87,07%
Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy	0,64% trong đó có 0,46% do nguyên nhân chủ quan	0,57% trong đó có 0,39% do nguyên nhân chủ quan	0,61% trong đó 0,4% là do nguyên nhân chủ quan
Tỷ lệ các bản án, quyết định bị sửa	1,2% trong đó có 0,6% do nguyên nhân chủ quan	1,1% trong đó có 0,4% là do nguyên nhân chủ quan	1,2% trong đó có 0,5% là do nguyên nhân chủ quan

Bảng 2.1

Các số liệu thống kê kể trên cho thấy rằng số lượng vụ việc qua các năm đều rất lớn tuy nhiên thì tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, bị sửa luôn ở mức thấp và đáp ứng yêu cầu Nghị quyết Quốc hội và Tòa án đã đề ra. Cùng với đó các tòa đã hạn chế đến mức thấp nhất việc đề án quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án không đúng căn cứ pháp luật trong năm 2021 tính đến 30/09/2021, còn 40 vụ việc dân sự quá thời hạn theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan. Còn trong năm 2022 chỉ còn 17 vụ việc đề quá thời hạn giải quyết do nguyên nhân chủ quan chiếm 0,003% tổng số vụ việc thụ lý.

### *2.2.2. Những lí do đạt được những kết quả nêu trên*

Có được những kết quả đáng khích lệ nêu trên là do Tòa án nhân dân các cấp đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng, nhất là thời hạn giải quyết vụ án dân sự. Những thành tích đã đạt được cũng một phần chứng tỏ việc sửa đổi và ban hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng đắn và phù hợp với tình hình mới có nhiều biến động và các vụ án dân sự có tính chất phức tạp ngày một tăng lên. Việc bộ luật tố tụng dân sự 2015 được ban hành đã có rất nhiều điểm mới so với bộ luật tố tụng dân sự cũ qua đó cải thiện chất lượng xét xử của các vụ án cũng như tính minh bạch trong các vụ án cũng được cải thiện theo.

Mặc dù vậy, vẫn phải khẳng định rằng để áp dụng được điều luật trên thực tiễn thì vai trò của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng cũng rất quan trọng. Thật vậy, đội ngũ cán bộ Tòa án các cấp tiếp tục được kiện toàn và nâng cao về chất lượng. Trong năm 2022, Tòa án nhân dân đã hoàn thành việc tinh giản biên chế theo quy định. Tổ chức thành công các kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán, chuyên viên, chuyên viên chính, cán sự. Trong năm 2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm 1.286 Thẩm phán và miễn nhiệm đối với 10 Thẩm phán. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý tiếp tục được quan tâm. Đội ngũ Hội thẩm hiện có 16.783 người và về cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác xét xử, việc phân công Hội thẩm tham gia phiên tòa đảm bảo thống nhất, khoa học.

## **2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự**

### *2.3.1. Những hạn chế, bất cập*

Mặc dù đã có những thành tựu đã kể trên nhưng không thể phủ nhận rằng thực tiễn áp dụng các điều luật liên quan đến thời hạn trong giải quyết vụ án dân sự đã và đang nảy sinh những hạn chế và bất cập, dẫn đến tình trạng vẫn còn

những án quá thời hạn theo tỷ lệ các bản án, quyết định bị sửa, hủy nêu trên thì nguyên nhân do chủ quan chiếm gần một nửa. Điều đó dẫn đến ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và trong quá trình nghiên cứu em nhận thấy có một số bất cập như sau:

Thứ nhất, là về thời hạn để đương sự xuất trình, giao nộp chứng cứ cho Tòa án.

Theo quy định tại Điều 91 BLTTDS, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Ngoài ra, theo Khoản 4 Điều 96 của BLTTDS thì thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc ấn định nhưng không được vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị giải quyết việc dân sự theo quy định của Bộ luật này. Có thể hiểu BLTTDS hiện hành không quy định cụ thể là trong thời hạn giao nộp chứng cứ mà để cho Thẩm phán được phân công ấn định điều này cho thấy rằng thực trạng ở nước ta không phải người dân nào cũng có trình độ hiểu biết về pháp luật và cũng không phải người dân nào cũng đủ điều kiện kinh tế để thuê luật sư đứng ra bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên việc không có quy định cứng về thời hạn cung cấp chứng cứ cũng là đang tạo điều kiện để đương sự có thể vận dụng hết khả năng trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh cũng như là tự bảo vệ quyền lợi của mình. Tuy nhiên, nó cũng có hạn chế đó là không đề cao được trách nhiệm của đương sự trong việc tìm kiếm, thu thập và xuất trình chứng cứ cho Tòa án. Mặc dù, Trong thời gian qua khi xét thấy cần thu thập chứng cứ Tòa án đã ra Quyết định thu thập chứng cứ theo đề nghị của đương sự và gửi đến cơ quan nơi đang lưu giữ chứng cứ. Song, việc cung cấp chứng cứ của các cơ quan này thường chậm, Tòa án phải có nhiều văn bản nhắc nhở mới cung cấp. Có trường hợp không lưu giữ chứng cứ nhưng Cơ quan được yêu cầu cung cấp cũng không kịp thời ban hành văn bản phúc đáp là không cung cấp được. Trường hợp này xảy ra mặc cho điều luật quy định khá

rõ, nhưng việc thực hiện trong thực tế hết sức khó khăn và Tòa án chỉ có việc tiếp tục có văn bản nhắc nhở hoặc xử phạt hành chính. Vấn đề này gây rất nhiều khó khăn cho công tác thu thập chứng cứ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết án. Cùng với đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự thì nếu việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ hoặc không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm hoặc xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm; hậu quả là nhiều bản án, quyết định phúc thẩm bị hủy, gây tổn kém về thời gian, tiền bạc, công sức của Tòa án và các bên.

Hai là, về thời hạn thông báo thụ lý vụ án.

Trong thực tế giải quyết các vụ án dân sự, thời hạn “Thông báo về việc thụ lý vụ án” mà pháp luật quy định đã gây không ít khó khăn cho Tòa án khi thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu do hoàn cảnh, điều kiện khách quan. Trong một số trường hợp đặc biệt do đương sự thay đổi địa chỉ nhiều lần, cư trú ở nhiều nơi khác nhau, đương sự đang cư trú ở nước ngoài... việc xác minh và trả lời xác minh trong vụ án dân sự thường chiếm mất quá nhiều thời gian. Với một vụ án có nhiều người liên quan thì Tòa án cần nhiều thời gian hơn để nghiên cứu hồ sơ, xác định chính xác những người có liên quan trước khi gửi “Thông báo về việc thụ lý vụ án” cho các đương sự ... Bởi nếu trong trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà không nhận được thông báo thụ lý mà tới khi quá thời hạn để yêu cầu độc lập rồi họ mới được biết thì quyền lợi của họ sẽ không được bảo vệ kịp thời. Do đó thời hạn ba ngày làm việc là thời gian quá ngắn để Tòa án có thể thông báo cho các đương sự trong vụ án biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ.

Có hai quan điểm khác nhau về việc thực hiện thủ tục thông báo trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án.

*Quan điểm thứ nhất* cho rằng thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, là thời hạn yêu cầu Tòa án phải gửi thông báo về việc thụ lý vụ án đi, còn

khi nào đương sự nhận được thông báo hoặc biết được thông báo thụ lý vụ án đó thì luật không điều chỉnh.

*Quan điểm thứ hai* cho rằng việc gửi thông báo về việc thụ lý vụ án đi và việc các đương sự nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án phải trong thời hạn ba ngày làm việc. Quan điểm này đang được hiểu và áp dụng trong thực tế. Căn cứ việc bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án trễ hơn thời hạn ba ngày làm việc, Viện kiểm sát cùng cấp thường có văn bản kiến nghị Tòa án đã vi phạm thủ tục tố tụng. Để các văn bản tố tụng đến tận tay đương sự hoặc để đương sự biết được thông tin đó có thể bằng nhiều phương thức khác nhau, được quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Niêm yết công khai; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; nhận trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo; bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong đó phương thức gửi bằng đường bưu điện là phương thức mà Tòa án thường thực hiện trước khi áp dụng các phương thức khác. Đây là phương thức mà Tòa án thường thực hiện trước khi áp dụng các phương thức khác. Điều này phụ thuộc vào công tác vận chuyển thư từ của từng vùng, từng địa phương mà đương sự cư trú, cũng như đặc thù về địa giới hành chính của từng Tòa án địa phương. Với một số đặc thù nêu trên thì với thời hạn ba ngày làm việc Tòa án không thể dự liệu được thời gian mà đương sự nhận được thông báo thụ lý vụ án. Đối với trường hợp niêm yết công khai chỉ thực hiện thủ tục này khi không rõ tung tích của người được thông báo hoặc không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp. Hoặc là thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện được thì phải trải qua các bước khác mà không có kết quả mới được áp dụng cách này hoặc chỉ áp dụng trong những trường hợp đã được pháp luật quy định. Hay là việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng

bằng phương thức điện tử thì cũng phải theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, với những vướng mắc, bất cập trong thực tế áp dụng pháp luật, khi thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, các phương thức tổng đạt đều khó đảm bảo người được thông báo sẽ nhận được văn bản trong thời hạn ba ngày. Do đó, việc thực hiện đúng thời hạn mà luật đã quy định theo quan điểm 2 là không thực tế.

Thứ ba, là về thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Đầu tiên là về thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các nhiệm, quyền hạn như: Lập hồ sơ vụ án; Xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng khác; Xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự và pháp luật cần áp dụng; Làm rõ những tình tiết khách quan của vụ án; Xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật này, trừ trường hợp vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật này. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tùy từng trường hợp, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và Đưa vụ án ra xét xử.

Tuy nhiên, theo quy định của BLTTDS hiện hành thì thời hạn chuẩn bị cho những vụ án liên quan đến tranh chấp về kinh doanh, thương mại hoặc những tranh chấp về lao động và tranh chấp liên quan đến lao động tính cả thời gian gia hạn thì tổng thời gian là không quá 03 tháng. Còn đối với các vụ án tranh chấp về dân sự khác hay là về hôn nhân và gia đình thì có tổng thời gian tính cả giai hạn là không quá 06 tháng. Mặc dù, đúng là những vụ tranh chấp liên quan đến kinh doanh, thương mại hay lao động thì việc được xử lý nhanh chóng sẽ đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy nhiên,

việc thời hạn chỉ quy định không quá 03 tháng để chuẩn bị xét xử sẽ gây khó khăn cho cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng bởi những vụ án liên quan đến kinh doanh, thương mại thường sẽ có liên quan đến nhiều đương sự và có nhiều chứng cứ cần đương sự cung cấp cũng như tự Tòa án thu thập cùng. Từ đó, có thể dẫn đến việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến bản án, quyết định không thực sự khách quan hoặc là xác định thiếu những người có quyền, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người đó.

Cũng liên quan đến thời hạn chuẩn bị xét xử như đã nêu ở trên thì việc Chánh án Tòa án có thể gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử trong trường hợp vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan cũng là vấn đề còn một số bất cập. Theo đó, chưa có văn bản hướng dẫn gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử vậy nên Thẩm phán thường mặc định thời hạn giải quyết vụ án bao gồm cả thời hạn gia hạn mà không có quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị, không thông báo cho đương sự ( đương sự không biết vụ án đã được gia hạn nên thường gửi đơn khiếu nại về việc chậm giải quyết vụ án...). Hiện nay, hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cũng không có mẫu về quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử. Mặt khác, các thuật ngữ “sự kiện bất khả kháng”, “trở ngại khách quan” còn chưa cụ thể. Trong khi đó, Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai “thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã hết hiệu lực, mà chưa có văn bản thay thế, gây khó khăn cho Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình áp dụng pháp luật.

Vấn đề thứ ba cũng liên quan trực tiếp đến thời hạn chuẩn bị xét xử đó chính là việc tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử. Hiện nay, BLTTDS năm 2015 (Khoản 1 Điều 203) chỉ quy định tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án dân sự đã tạm đình chỉ mà Tòa án tiếp tục giải quyết; theo đó, thời hạn chuẩn bị



xét xử được tính lại từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thực tiễn giải quyết các vụ án cho thấy, có nhiều trường hợp mặc dù pháp luật chưa quy định về tính lại thời hạn nhưng một số Tòa án vẫn tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử như trường hợp khi bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, khi nhập, tách vụ án, khi thụ lý yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Tại đây có 02 luồng quan điểm khác nhau, cụ thể:

*Quan điểm thứ nhất:* cho rằng pháp luật tố tụng dân sự đã quy định chỉ tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án dân sự đã tạm đình chỉ mà Tòa án tiếp tục giải quyết. Mà theo Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các trường hợp nêu trên đều không thuộc một trong các căn cứ để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Vậy nên, Tòa án không có căn cứ để tính lại thời hạn

*Quan điểm thứ hai:* cho rằng trong các trường hợp nêu trên thì Tòa án phải tiến hành thêm các bước thu thập lời khai, tài liệu, chứng cứ thì mới có thể giải quyết vụ án chính xác và đúng quy định của pháp luật. Điều này có thể làm cho vụ án có nhiều quan hệ tranh chấp hơn so với thời điểm thụ lý ban đầu và có thể phải bổ sung thêm người tham gia vào việc giải quyết vụ án, do đó, để giải quyết vụ án, Tòa án cần có nhiều thời gian hơn thông thường.

Thứ tư, là về vấn đề thời hạn tạm đình chỉ giải quyết vụ án

Tạm đình chỉ theo điểm đ khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015, hiện nay, số lượng án dân sự, hôn nhân gia đình ngày càng tăng, tính chất vụ việc ngày càng phức tạp, nhưng BLTTDS năm 2015 quy định thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa đối với án dân sự, hôn nhân gia đình là 06 tháng tính từ ngày thụ lý (kể cả thời gian gia hạn), nên có một số vụ án Thẩm phán không thể giải quyết đúng thời hạn. Do đó, một số Thẩm phán áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015 (đợi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, ủy thác thu thập chứng cứ

hoặc đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án) để tạm đình chỉ VADS. Khi có căn cứ phục hồi, Tòa án ra thông báo tiếp tục giải quyết vụ án thì tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS năm 2015. Trong khi đó, pháp luật không quy định thời hạn tối thiểu đối với quyết định tạm đình chỉ nên vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tạm đình chỉ theo điểm h khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015: Trong thực tiễn công tác xét xử, một số trường hợp đương sự có đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết VADS vì một trong những lý do như: Đương sự đi chữa bệnh; đi công tác nước ngoài; đang gặp sự cố bất khả kháng không thể có mặt theo triệu tập của Tòa án mà không thể ủy quyền cho người khác; đương sự cần có thời gian thu thập thêm chứng cứ; chưa có tiền để nộp chi phí định giá, chi phí tố tụng khác,... Liệu đây có phải là lý do chính đáng để đương sự yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án không? Tòa án căn cứ điểm h khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015: “Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật” để ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn quy định trên, nên việc áp dụng pháp luật giữa các Tòa án chưa thống nhất. Bên cạnh đó, hiện nay cũng chưa có văn bản hướng dẫn việc xử lý cơ quan, tổ chức không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án không đúng thời hạn theo quy định của BLTTDS năm 2015. Thực tế, có một số trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự, Tòa án hay Viện kiểm sát. Tuy nhiên, pháp luật không có chế tài xử lý triệt để vấn đề này, từ đó có những vụ kiện kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, gây bức xúc cho đương sự.

### *2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự*

Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan

*- Nguyên nhân khách quan:*

+ Theo thống kê, các vụ án mà Tòa án phải nhận càng ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp cùng với đó đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà các tòa án phải thụ lý, giải quyết tăng nhanh và ngày càng phức tạp, trong khi đó số lượng thẩm phán, công chức chưa đủ nên áp lực công việc rất lớn. Mỗi thẩm phán phải giải quyết một số lượng lớn các vụ án nên cũng không có đủ điều kiện để nghiên cứu kỹ lưỡng hồ sơ vụ án và việc áp dụng quy định của pháp luật. Mặt khác, nhiều địa phương còn thiếu nhiều Thẩm phán do xin nghỉ việc hoặc hưu trí, thiếu nguồn bổ nhiệm; một số ít chuyển công tác theo yêu cầu quy hoạch cán bộ ở địa phương hoặc theo nhu cầu cá nhân, do sức ép công việc...

+ Chế độ chính sách đối với cán bộ Tòa án chưa thực sự tương xứng với tính chất công việc đặc thù của Tòa án, chưa giúp cho ngành Tòa án có thể thu hút nguồn cán bộ có trình độ, năng lực vào công tác trong ngành, đặc biệt là những nơi vùng sâu, vùng xa thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ. Cơ chế, chính sách của Nhà nước về chế độ lương, thưởng, phúc lợi xã hội ... đối với các Thẩm phán, cán bộ Tòa án không tốt, không tương xứng dẫn đến đời sống của họ khó khăn, từ đó họ phải tìm cách kiếm thêm thu nhập từ việc khác, thậm chí nhận hối lộ của đương sự để tăng thu nhập và họ khó có thể tập trung toàn lực, toàn tâm cho công việc giải quyết vụ án của mình, thậm chí xin ra khỏi ngành.

+ Một số quy định của pháp luật chưa thực sự phù hợp, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn chưa kịp thời, trong khi đó mới chỉ có 63 bản án được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án nhân dân tối

cao công bố là án lệ. Cùng với đó việc ban hành bộ luật tố tụng dân sự 2015 cũng kéo theo rất nhiều những văn bản hướng dẫn thi hành trước đó hết hiệu lực mà đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn mới để thay thế điều này cũng làm ảnh hưởng nhất định tới chất lượng, hiệu quả trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự. Bên cạnh đó là việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ trong nhiều vụ án còn khó khăn, chế tài xử lý trách nhiệm đối với việc cơ quan, tổ chức, cá nhân, không thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc phối hợp, cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án chưa nghiêm khắc, triệt để, dẫn đến việc chậm trễ trong trả lời Tòa án và kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Việc giải quyết vụ án giữa các cấp Tòa án chưa thông nhất, nhiều vụ án bị sửa, bị hủy lại nhiều lần gây tâm lý rất e ngại cho các Thẩm phán trong quá trình giải quyết do sợ án bị hủy nhiều, ảnh hưởng đến việc tái bổ nhiệm. Thực tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quy định số 120 về xử lý những vi phạm của thẩm phán và rất nghiêm. Trong văn bản này, ngành Tòa án đã đặt ra yêu cầu cao hơn tiêu chí của Quốc hội. "Nghị quyết của Quốc hội cho phép tòa án được hủy, sửa 1,5% số vụ án, nhưng quy định 120 chỉ cho 1,16% án hủy, sửa. Nếu thẩm phán nào vượt quá tỷ lệ này sẽ không được tái bổ nhiệm"- người đứng đầu ngành Tòa án cho biết. Điều này đã tạo áp lực tâm lý rất lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các Thẩm phán.

+ Nhiều Thẩm phán được bổ nhiệm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán ở nhiều nơi (nhất là vùng sâu vùng xa) còn hạn chế. Dẫn đến việc trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ, áp dụng pháp luật có thể mắc những sai phạm làm ảnh hưởng đến kết luận của Thẩm phán nhất là trong các vụ án có tính chất phức tạp.

+ Cùng với đó, trình độ hiểu biết của người dân về pháp luật nói chung và về pháp luật tố tụng dân sự nói riêng còn nhiều hạn chế, nên dẫn đến việc làm ảnh hưởng không nhỏ đến thời gian giải quyết vụ án dân sự. Như đã

nói ở trên thì trong mỗi giai đoạn tố tụng nhất định thì pháp luật đã quy định về thời hạn để các bên như người tiến hành tố tụng, các đương sự, các cơ quan, tổ chức, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thực hiện hành vi tố tụng. Và để đảm bảo được thời hạn đó thì đương sự cũng như các cơ quan, tổ chức có quyền và nghĩa vụ liên quan cũng phải đảm bảo việc thực hiện các hành vi tố tụng theo đúng thời hạn mà pháp luật quy định. Ngoài ra, một số cơ quan, tổ chức chưa phối hợp chặt chẽ với Tòa án, thậm chí chưa làm hết trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, giám định, tham gia giám định tài sản, thực hiện ủy thác tư pháp kết quả còn rất hạn chế, nhất là đối với nước ngoài... làm cho quá trình giải quyết vụ án gặp nhiều khó khăn.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Từ những thực tế áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thời hạn giải quyết vụ án dân sự ta có thể thấy mặc dù pháp luật về tố tụng dân sự ta có những quy định khá đầy đủ, cụ thể về thời hạn giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên qua thực tế áp dụng cũng đã chỉ ra một số vướng mắc, bất cập của pháp luật trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án như: Một số quy định còn chưa rõ ràng dẫn đến những cách hiểu, áp dụng pháp luật chưa thống nhất, có sự lạm dụng các quy định của pháp luật nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cũng như là việc thiếu đi các văn bản hướng dẫn cũng một phần làm cho thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài, quyền lợi của đương sự không được bảo đảm và ảnh hưởng đến tính khách quan, chính xác và đúng đắn trong việc giải quyết vụ án. Trên cơ sở đó, Chương 2 cũng đã chỉ ra và làm rõ một số nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập trên là do cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan như:

- Khách quan do: Hội đồng Thẩm phán-Tòa án nhân dân Tối cao còn chậm trễ trong việc xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng để thống nhất cách hiểu và áp dụng trong hệ thống Tòa án, cùng với đó là các vụ án dân sự càng ngày càng có sự gia tăng về cả mặt số lượng cũng như là sự phức tạp. Cùng với đó là còn thiếu đi các chế tài xử lý nghiêm trách nhiệm với việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án...

- Chủ quan do: Trình độ, năng lực chuyên môn và trách nhiệm của một số Thẩm phán còn hạn chế, cùng với đó là tâm ý e ngại bản án, quyết định bị hủy, sửa có thể ảnh hưởng tới việc được tái bổ nhiệm của các Thẩm phán. Ngoài ra, thì sự hiểu biết về pháp luật của người dân còn hạn chế dẫn đến việc thực hiện các bước để tiến hành giải quyết vụ án dân sự còn gặp nhiều khúc mắc dẫn đến việc có tình trạng chậm trễ trong việc thực hiện các công việc mà pháp luật tố tụng quy định và vô tình làm kéo dài việc giải quyết vụ án dân sự.

### **CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

#### **3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự**

Thứ nhất, bổ sung quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự

Thực tế đã chứng minh việc Bộ luật tố tụng dân sự không quy định về thời hạn giao nộp chứng cứ là một trong các nguyên nhân dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Nhiều trường hợp những chứng cứ quan trọng thường được các đương sự giữ kín đến phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Nếu đương sự xuất trình chứng cứ mới tại phiên tòa sơ thẩm dân sự và việc xem xét, đánh giá chứng cứ đó cần có thời gian giám định hoặc định giá thì phiên tòa sơ thẩm sẽ bị tạm ngừng. Nếu đương sự kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự xuất trình chứng cứ và chứng cứ mới được Tòa án chấp thuận thì bản án, quyết định sơ thẩm sẽ bị hủy hoặc bị sửa. Thống kê tình hình xét xử của Tòa án nhân dân Tối cao trong những năm qua cho thấy trong số các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới bị hủy hoặc sửa có nhiều trường hợp do đương sự xuất trình chứng cứ mới.

Hiện nay pháp luật tố tụng dân sự của nhiều nước trên thế giới đều ấn định thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm dân sự, đương sự không có quyền cung cấp chứng cứ mới. Việc giới hạn thời gian cung cấp chứng cứ của đương sự sẽ buộc đương sự phải có trách nhiệm cao hơn trong việc thu thập, cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình đồng thời cũng bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được nhanh gọn, hạn chế nguy cơ kéo dài quá trình tố tụng. Do đó, để đảm bảo thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, giảm tỷ lệ án bị , sửa thì cần phải đảm bảo được thời gian mà đương sự có được để cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng cũng phải vừa đảm bảo được rằng phải có đủ thời gian để Thẩm

phán có thể đánh giá, xác minh chứng cứ đó bởi chỉ cần có một hoặc một vài chứng cứ quan trọng thôi cũng có thể thay đổi được một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định và như thế thì việc Bộ luật tố tụng dân sự quy định việc giới hạn thời hạn cung cấp chứng cứ là cần thiết. Mặc dù, pháp luật tố tụng dân sự đã có những thay đổi về vấn đề này nhưng việc vẫn để Thẩm phán toàn quyền quyết định thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc này vừa thể hiện được tính linh hoạt trong công tác xét xử tuy nhiên nếu như đã nêu ở chương 2 thì số lượng vụ việc thì ngày càng tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp vì vậy việc có những sai sót khi đánh giá và ra quyết định về thời hạn cung cấp chứng cứ, tài liệu là hoàn toàn có thể xảy ra. Từ những phân tích trên, Bộ luật tố tụng dân sự nên bổ sung quy định về khoảng thời gian cụ thể đối với từng loại vụ án dân sự.

Cùng với đó thì cũng nên có văn bản hướng dẫn về những trường hợp được gọi là “lý do chính đáng” làm cho đương sự không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ đúng thời hạn. Trong Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không quy định cụ thể, rõ ràng về lý do chính đáng nói chung và lý do chính đáng mà đương sự không thể giao nộp tài liệu, chứng cứ đúng thời hạn luật định và cũng chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vậy nên khi xem xét, giải quyết các vụ việc dân sự thì người tiến hành tố tụng tự cân nhắc, tham khảo các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác, tùy từng trường hợp cụ thể, để xác định lý do chính đáng cho hợp tình, hợp lý. Điều này dẫn đến việc thiếu nhất quán trong hệ thống Tòa án vậy nên về lâu dài cần có hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề này.

Thứ hai, bổ sung thêm về thời hạn thông báo thụ lý vụ án quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.”



Trong thực tế giải quyết các vụ án dân sự, thời hạn “Thông báo về việc thụ lý vụ án” mà pháp luật quy định đã gây ra không ít khó khăn cho Tòa án khi thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu do trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng hoặc pháp luật tố tụng dân sự có quy định khác và gia hạn thời hạn trong trường hợp có nhiều người liên quan đến vụ án. Với một vụ án có nhiều người liên quan thì Tòa án cần nhiều thời gian hơn để nghiên cứu hồ sơ, xác định chính xác những người có liên quan trước khi gửi “thông báo về việc thụ lý vụ án” cho các đương sự. Hoặc trong một số trường hợp do đương sự thay đổi địa chỉ nhiều lần, cư trú ở nhiều nơi khác nhau hay là đang cư trú ở nước ngoài... việc xác minh và trả lời xác minh trong vụ án dân sự thường chiếm mất quá nhiều thời gian. Do chưa kể đến việc trong nhiều trường hợp, việc tổng đạt thông báo về thụ lý vụ án cho đương sự, niêm yết công khai, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trường hợp ủy thác tư pháp thì không thể thực hiện trong ba ngày được. Do đó thời hạn “ba ngày làm việc” là thời gian quá ngắn để Tòa án có thể thông báo cho các đương sự trong vụ án biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

Chính vì thế, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự cần bổ sung thêm trường hợp ngoại trừ vì những trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng, do vụ án có tình tiết phức tạp.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự và nên có văn bản hướng dẫn quy định về việc tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử.

Theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành thì đối với các vụ án liên quan đến tranh chấp về dân sự và tranh chấp về hôn nhân và gia đình có thời hạn chuẩn bị là 06 tháng tính cả thời gian gia hạn. Còn đối với các vụ án tranh chấp về kinh doanh, thương mại và lao động thì có thời hạn chuẩn bị là 03 tháng tính cả thời gian gia hạn.

Như đã phân tích tại chương 2 thì việc thời hạn cho các vụ án tranh chấp về kinh doanh, thương mại hay lao động tính cả thời hạn gia hạn là quá ít bởi trong những vụ án tranh chấp như này thường sẽ có số lượng người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan khá nhiều cùng với đó là việc thu thập tài liệu, chứng cứ ở nhiều nơi, nhiều nguồn khác nhau. Vậy nên, theo quan điểm cá nhân của mình thì nên sửa đổi quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử các vụ việc kinh doanh, thương mại hoặc lao động theo hướng bằng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ việc dân sự là 04 tháng.

Tiếp theo là vấn đề gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thì với việc thiếu đi những giải thích cụ thể đối với thuật ngữ như “vụ án có tính chất phức tạp” hay “trở ngại khách quan”... sẽ không có sự thống nhất trong hệ thống Tòa án khi xét xử cùng với đó là những nghị quyết cũ của Hội đồng thẩm phán TANDTC đối với BLTTDS cũ đã hết hiệu lực khi BLTTDS năm 2015 được ban hành cũng làm cho các Thẩm phán gặp khó khăn trong quá trình chuẩn bị xét xử. Chính vì vậy Hội đồng thẩm phán TANDTC nên sớm ban hành văn bản hướng dẫn về vấn đề này hoặc ban hành nghị quyết mới hướng dẫn thi hành BLTTDS năm 2015 trong đó có nội dung giải thích đối với các thuật ngữ “lý do chính đáng”, “những vụ án có tính chất phức tạp”, “trở ngại khách quan”.

Tiếp theo là về việc Tòa án tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử hiện nay BLTTDS năm 2015 (K1, Điều 203) chỉ quy định tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án dân sự đã tạm đình chỉ mà Tòa án tiếp tục giải quyết. Thực tiễn giải quyết các vụ án cho thấy, có nhiều trường hợp mặc dù pháp luật chưa quy định về tính lại thời hạn nhưng một số Tòa án vẫn tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử như trường hợp khi bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, khi nhập, tách vụ án, khi thụ lý yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và yêu cầu khởi kiện bổ sung.

*Trường hợp đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng:* Một trong những lý do cần phải tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử là đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Sau khi đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, để đảm bảo vụ án được giải quyết chính xác, đúng quy trình thì Tòa án cần tiến hành thêm các bước thu thập chứng cứ và mở lại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai

chứng cứ và hòa giải. Điều này sẽ dẫn đến khả năng một số Thẩm phán lạm dụng việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng để tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử, mặc dù pháp luật tố tụng dân sự không quy định về việc tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử trong trường hợp này. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 203 BLTTDS năm 2015 quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán phải thực hiện lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng khác; xác minh, thu thập chứng cứ,... Tức là việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là công việc Thẩm phán phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, nếu tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án từ khi Tòa án thông báo đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

*Trường hợp nhập hoặc tách vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo cho việc giải quyết được nhanh chóng và đúng đắn các yêu cầu của đương sự thì Tòa có quyền nhập hoặc tách vụ án

+ Đối với trường hợp nhập vụ án: Việc nhập những vụ án có thời hạn chuẩn bị xét xử còn lại khác nhau thì thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án sau khi nhập được xác định là thời hạn của vụ án còn thời hạn chuẩn bị xét xử dài nhất. Bởi lẽ, thông thường trước khi quyết định nhập một hoặc nhiều vụ án vào một vụ án khác thì Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng như xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, củng cố hồ sơ,... Những vụ án đó đều đã trải qua thời gian chuẩn bị xét xử nhất định, vì vậy Thẩm phán đã phần nào nắm được nội dung và hướng giải quyết vụ án. Hơn nữa, mục đích của việc nhập vụ án là nhằm đảm bảo hiệu quả tố tụng, giúp vụ án được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và toàn diện, rút ngắn thời gian cho đương sự. Do đó, nếu xác định lại thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày ra quyết định nhập vụ án thì những vụ án đó lại bị kéo dài thêm, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Chính vì vậy, không cần thiết phải tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử kể từ ngày ra quyết định nhập vụ án, chỉ cần xác định thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án còn dài nhất và lấy đó là thời hạn chuẩn bị xét xử còn lại của vụ án sau khi nhập.

+ Đối với trường hợp tách vụ án: Khi một vụ án mới được tách ra từ vụ án trước đó thì theo nguyên tắc, Tòa án phải vào sổ thụ lý mới đối với vụ án được tách ra. Theo đó, ngày thụ lý vụ án mới được xác định là ngày Tòa án ra quyết định tách vụ án. Do đó, thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án mới tách sẽ tính từ ngày Tòa án ra quyết định tách vụ án. Đối với vụ án cũ, sau khi được tách bớt một hay nhiều quan hệ pháp luật tranh chấp thì những thủ tục tố tụng hoặc những chứng cứ đã thu thập trước đó vẫn còn nguyên giá trị sử dụng, thời gian để Thẩm phán tiến hành các công việc nêu trên là thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án đó, nên không có căn cứ để tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử. Vì lẽ đó, thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án trước khi tách cũng chính là thời hạn chuẩn bị xét xử của nó sau khi tách.

*Trường hợp có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập:* Theo BLTTDS năm 2015, quyền yêu cầu phản tố của bị đơn và quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nhưng phải trước ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nếu vụ án có thêm yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập thì vụ án có nhiều quan hệ, tranh chấp hơn so với vụ án đã được thụ lý từ đầu. Do đó, nếu không tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử trong trường hợp này thì Thẩm phán khó có thể xem xét giải quyết vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Vậy nên, cần bổ sung quy định về việc tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử trong trường hợp khi thụ lý yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và quy định thêm những trường hợp không được tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử.

Thứ tư, bổ sung thêm quy định về thời hạn tạm đình chỉ vụ án tại Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và cần có thêm văn bản hướng dẫn về vấn đề này

Theo quy định tại khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì một trong những lí do để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đó là việc cần đợi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, ủy thác thu thập chứng cứ

hoặc đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án mới giải quyết được vụ án. Tuy nhiên, thì pháp luật không quy định thời hạn tối đa đối với quyết định tạm đình chỉ nên vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Bên cạnh đó thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng không cung cấp hoặc cung cấp muộn làm kéo dài thời gian xử lý. Tuy trong Bộ luật tố tụng dân sự đã có quy định khá rõ, nhưng việc thực hiện trong thực tế hết sức khó khăn. Thực tiễn có rất nhiều vụ phải tạm đình chỉ vì lý do cơ quan giữ tài liệu, chứng cứ không cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu mà đến nay vẫn chưa có phương án khắc phục tình trạng này một cách hữu hiệu từ đó có những vụ kiện kéo dài nhiều năm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích hợp pháp, gây bức xúc cho đương sự. Bên cạnh đó là “Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật” để ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn quy định trên, nên việc áp dụng pháp luật giữa các Tòa án chưa thống nhất. Như đã phân tích ở chương 2 thì trong thực tiễn công tác xét xử thì có một số trường hợp đương sự có đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vì một số lý do được coi là chính đáng. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là mặc dù đây là quyền của đương sự, nhưng việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án lại ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự khác trong vụ án và hiệu quả giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, có thể không tránh khỏi việc một số đương sự lạm dụng quyền này để kéo dài thời gian giải quyết vụ án; thậm chí có thể có trường hợp Tòa án vì tìm giải pháp tình thế trong việc giải quyết án quá hạn mà chủ động bảo đương sự làm đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để có lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Quy định này chưa rõ ràng và cũng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên dẫn đến nhận thức và thực hiện pháp luật không thống nhất, một số Thẩm phán còn lúng túng trong việc áp dụng quy định này; có tình trạng Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết VADS không đúng quy định của pháp luật, gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của các đương sự khác trong vụ án và ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án.

Chính vì vậy, thứ nhất cần quy định thêm thời hạn tối đa cho quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án nhằm bảo đảm cho vụ án được giải quyết kịp thời, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Thứ hai là bổ sung thêm căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ án đó là trong trường hợp theo yêu cầu của đương sự khi đương sự có lý do chính đáng cùng với đó như đã nói trước đó thì cần có văn bản hướng dẫn cụ thể các thuật ngữ như “ lý do chính đáng”, “vụ án có tính chất phức tạp” hay “trở ngại khách quan” để tạo sự thống nhất khi áp dụng pháp luật tố tụng vào công tác giải quyết vụ án của Tòa án. Cuối cùng, là cần có văn bản hướng dẫn việc xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án không đúng thời hạn theo quy định của BLTTDS năm 2015 làm ảnh hưởng tới công tác chuẩn bị xét xử dẫn tới việc có thể vụ án sẽ bị tạm đình chỉ. Từ đó, thì Tòa án sẽ có thêm cơ sở để tiến hành xử phạt đối với từng mức độ vi phạm và cũng giúp cải thiện tình trạng xử phạt sai hay xử phạt nhầm.

### **3.2. Giải pháp bảo đảm việc thực hiện thời hạn giải quyết vụ án dân sự theo pháp luật Việt Nam**

Bên cạnh một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự, thì việc thực hiện tốt các quy định về thời hạn tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Để thực hiện tốt các quy định về thời hạn tố tụng, ngoài việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự, thì yếu tố con người cũng là một vấn đề cần được cải thiện.

Thứ nhất, nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của người dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giúp người dân ý thức được việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ý thức được trách nhiệm của mình khi tham gia tố tụng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức pháp luật của người dân và việc đưa các quy định của pháp luật vào với thực tế thực hiện pháp luật. Hiện nay, nhận thức pháp luật nói

chung và pháp luật tố tụng dân sự nói riêng của một bộ phận người dân còn rất hạn chế, cũng đồng nghĩa với việc một số đương sự trong một số vụ án còn rất hạn chế nhận thức về pháp luật. Do vậy, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần được tích cực, thường xuyên trên đa dạng các hình thức như: Báo, đài phát thanh, đài truyền hình, internet, các buổi tuyên truyền, phổ biến trực tiếp... để người dân có điều kiện tiếp cận pháp luật, nâng cao hiểu biết của người dân về pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng dân sự nói riêng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân nói chung và các đương sự trong các vụ án dân sự nói riêng.

“ Việc dân sự cốt ở hai bên”. Do vậy, khi các bên phát sinh tranh chấp, điều tốt nhất là thương lượng, thỏa thuận được với nhau để giải quyết. Ý thức được điều này sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho các bên. Trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận giải quyết được thì Tòa án mới là cơ quan cuối cùng đứng ra phân xử. Khi Tòa án thụ lý giải quyết, các bên cũng phải ý thức được trách nhiệm của mình khi tham gia tố tụng để giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, chính xác; tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc của các bên.

Thứ hai, nâng cao năng lực của Thẩm phán, cán bộ Tòa án.

Thẩm phán là người trực tiếp giải quyết án, do đó, chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết vụ án phụ thuộc nhiều vào trình độ chuyên môn của Thẩm phán. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, ngoài những yêu cầu về trình độ pháp lý, Thẩm phán còn phải có trình độ hiểu biết về nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, tài chính - kế toán, xây dựng, hành chính đất đai... Tuy nhiên, cho đến nay, trong đội ngũ Thẩm phán vẫn có một số Thẩm phán hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Do vậy, trước mắt, cần phải bồi dưỡng, nâng cao trình độ Thẩm phán, đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết các vụ án dân sự. Thực tế giải quyết các vụ án cho thấy còn có tình trạng Thẩm phán hiểu không đúng, chưa hiểu rõ các quy định của pháp luật về tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và

các văn bản pháp luật có liên quan dẫn đến việc ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án không đúng.

Hiện nay, ngành Tòa án cũng đã có những khóa, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng còn chưa thường xuyên, số lượng Thẩm phán được bồi dưỡng hoặc tham gia bồi dưỡng vẫn còn hạn chế. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa công tác đào tạo nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong việc giải quyết các vụ án; bên cạnh đó, kịp thời tổng kết và hướng dẫn các Tòa án địa phương giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, cải thiện điều kiện làm việc và chế độ lương, đãi ngộ đối với cán bộ, công chức Tòa án

Đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án; Thẩm phán, cán bộ Tòa án thực hiện công việc có tận tâm, trách nhiệm hay không. Do đó, việc tăng cường xây dựng, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị tân tiến cho Tòa án để các Tòa án có điều kiện thuận lợi hơn trong giải quyết công việc là cần thiết. Bên cạnh đó, cần có chính sách lương, đãi ngộ tương xứng đối với cán bộ, công chức ngành Tòa án để họ có thể chuyên tâm, tận tụy với công việc của mình, bảo đảm thực thi pháp luật và tính chính xác, đúng đắn của kết quả giải quyết vụ án.



### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Thông qua việc phân tích những bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn giải quyết vụ án dân sự tại chương 2 thì tại chương 3 này bản thân em đã mạnh dạn đưa ra những đề xuất sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định về thời hạn trong giải quyết vụ án dân sự. Bên cạnh đó Chương 3 cũng đưa ra một số kiến nghị liên quan đến vấn đề về mặt con người như nâng cao chất lượng chuyên môn của các Thẩm phán, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của người dân hay là về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ Tòa án... qua đó góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự trong thực tiễn. Trên cơ sở đó giúp cho việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng về thời hạn đạt được hiệu quả cao, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, duy trì xã hội ổn định, thúc đẩy sự phát triển của các quan hệ dân sự.

## KẾT LUẬN

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2019) được ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật tố tụng dân sự của nước ta trước đây, đồng thời tham khảo có chọn lọc những kinh nghiệm của một số nước trên thế giới. Việc thi hành các văn bản pháp luật này góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Bảo đảm trình tự và thủ tục tố tụng dân sự dân chủ, công khai, đơn giản, thuận lợi cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong hoạt động giải quyết vụ án dân sự. Bảo đảm cho các việc giải quyết vụ án dân sự được nhanh chóng, chính xác, công minh và đúng pháp luật. Các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn giải quyết vụ án dân sự tương đối cụ thể, đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể, thể hiện sự minh bạch và khả thi. Trên cơ sở đó các đương sự đã chủ động khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và các Tòa án đã thụ lý, giải quyết kịp thời các vụ việc để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Trên cơ sở các quy định của BLTTDS 2015, khóa luận đã nghiên cứu, xây dựng được cơ sở lý luận cơ bản về thời hạn giải quyết vụ án dân sự như: đưa ra và phân tích các khái niệm về thời hạn giải quyết vụ án dân sự, nêu ra những đặc điểm cơ bản của thời hạn giải quyết vụ án dân sự, chỉ ra ý nghĩa của việc quy định thời hạn giải quyết vụ án dân sự và nêu ra những quy định cơ bản về thời hạn giải quyết vụ án dân sự.

Cùng với đó, qua nghiên cứu cũng cho thấy việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn giải quyết vụ án dân sự trên thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó trước hết là do các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự còn chưa rõ ràng, đầy đủ và còn nhiều lỗ hổng để lợi dụng gây kéo dài thời gian xét xử. Sau đó là

do sự thiếu hiểu biết của đương sự, các Thẩm phán thì không đảm bảo tất cả đều vững vàng về mặt chuyên môn nên vẫn còn sự lúng túng trước sự tăng mạnh về số lượng vụ án lẫn mức độ phức tạp hoặc có thể do sự thiếu tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, Thẩm phán... Để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, bảo đảm việc giải quyết nhanh chóng, kịp thời vụ án dân sự nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể thì cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn giải quyết vụ án dân sự là điều hết sức cần thiết. Mặt khác, phải sớm nâng cao được tinh thần trách nhiệm cũng như năng lực chuyên môn của các Thẩm phán để nâng cao được chất lượng giải quyết vụ án qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự một cách kịp thời và chính xác.

Vấn đề về thời hạn trong giải quyết vụ án dân sự là một vấn đề rộng và phức tạp chính vì thế trong khuôn khổ của khóa luận tốt nghiệp, nội dung của khóa luận này mới nghiên cứu sâu đến những vấn đề cơ bản về thời hạn trong thời hạn giải quyết vụ án dân sự. Một số vấn đề như trong phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hay xem xét lại bản án chỉ nhắc tới trong bài chứ chưa khai thác sâu và nghiên cứu kỹ. Vậy nên với một số kiến nghị của mình, em mong có thể góp phần nhỏ vào việc thúc đẩy sự phát triển của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam cũng như là hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án dân sự; góp phần bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của đương sự và tính khách quan, chính xác, đúng đắn trong việc giải quyết các vụ án dân sự.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

<http://pbgdpl.camau.gov.vn/thoi-hieu-khoi-kien-vu-an-dan-su-theo-quy-dinh-cua-phap-luat.1130>

[http://vkskh.gov.vn/bat-cap-trong-quy-dinh-cua-phap-luat-to-tung-dan-su-va-to-tung-hanh-chinh-ve-thoi-hieu-xem-xet-huy\\_2256\\_381\\_2\\_a.html](http://vkskh.gov.vn/bat-cap-trong-quy-dinh-cua-phap-luat-to-tung-dan-su-va-to-tung-hanh-chinh-ve-thoi-hieu-xem-xet-huy_2256_381_2_a.html)

<https://kiemsat.vn/bat-cap-trong-tam-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-47018.html>

<https://lsvn.vn/mot-so-van-de-phap-ly-va-thuc-tien-ve-khoi-kien-vu-an-dan-su1623283130.html>

<https://luatduonggia.vn/kien-nghi-hoan-thien-va-nang-cao-hieu-qua-thuc-hien-khoi-kien-vu-an-dan-su/>

<https://luatkienviet.com/thoi-han-giai-quyet-tranh-chap-dan-su-o-toa-an-bao-lau-/>

<https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/lists/news&ItemID=44797>

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-kien-nghi-nham-hoan-thien-cac-quy-dinh-cua-bo-luat-to-tung-dan-su-nam-2015-ve-quyen-tu-do-khoi-kien-vu-an-dan-su-86314.htm>

<https://tapchitaichinh.vn/giai-quyet-vu-an-dan-su-sao-van-dai-le-the.html>

<https://tapchitoaan.vn/gia-han-thoi-han-chuan-bi-xet-xu-sau-khi-tam-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-so-tham>

<https://tapchitoaan.vn/thoi-han-giai-quyet-vu-an-theo-thu-tuc-to-tung-dan-su-va-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-tai-toa-an7557.html>

<https://tapchitoaan.vn/tinh-lai-thoi-han-chuan-bi-xet-xu-so-tham-vu-an-dan-su-trong-truong-hop-thu-ly-yeu-cau-khoi-kien-bo-sung8013.html>

<https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/45734/trinh-tu-giai-quyet-vu-an-dan-su-theo-thu-tuc-to-tung-dan-su>

<https://vksbinhdinh.gov.vn/cgi-bin/CHUY%C3%8AN-%C4%90%E1%BB%80-TAM-%C4%90%C3%8CNH-CH%E1%BB%88-HO%C3%80N-CH%E1%BB%88NH.pdf>

<https://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=71981&cat1id=3&Cat2id=19>

<https://vkssonla.gov.vn/index.php?module=tinhoatdong&act=view&cat=67&id=1716>

<https://vpluatsutranluat.vn/phap-ly/ban-ve-thoi-han-chuan-bi-xet-xu-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-to-tung-dan-su>

<https://vpluatsutranluat.vn/phap-ly/ban-ve-thoi-han-chuan-bi-xet-xu-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-to-tung-dan-su>

<https://www.qdnd.vn/ban-doc/nhan-tin/ve-thoi-han-giai-quyet-vu-an-dan-su-664664>

<https://www.tapchitoaan.vn/dinh-chi-giai-quyet-vu-an-hay-dinh-chi-giai-quyet-yeu-cau-cua-duong-su6213.html>

*Nguyễn Lâm*, Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam, Nhà xuất bản Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

*Nguyễn Như ý*, Đại từ điển tiếng Việt, nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

*Nguyễn Thị Việt Nga*, Thụ lý và chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án dân sự, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012.

*Quốc hội*, Bộ luật dân sự, Hà Nội, 2015.

*Quốc hội*, Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội, 2019.

*Quốc hội*, Bộ luật tố tụng dân sự, Hà Nội, 2015.

*Quốc hội*, Hiến pháp, Hà Nội, 2013.

*Tòa án nhân dân Tối cao*, Báo cáo tổng kết công tác 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác 2021 của các Tòa án, Hà Nội, 2020.

*Tòa án nhân dân Tối cao*, Báo cáo tổng kết công tác 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các Tòa án, Hà Nội, 2021.

*Tòa án nhân dân Tối cao*, Báo cáo tổng kết công tác 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án, Hà Nội, 2022.

*Trường Đại học Luật Hà Nội*, Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, tái bản lần thứ 16, 2018.

*Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động, Hà Nội, 1996.

*Ủy ban Thường vụ Quốc hội*, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Hà Nội, 1990.

*Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Hà Nội, 1994.

*Viện ngôn ngữ*, Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, 2012.